

BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ TỘC NGƯỜI DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP (Nghiên cứu ở xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu)

NGÔ THỊ CHÍNH

Dân số học tộc người dưới góc độ nghiên cứu biến động dân số tự nhiên, tác động của các chính sách dân số tới phát triển dân số, quan hệ giữa dân số và kinh tế xã hội, quan hệ giữa dân cư, dân số và lao động của các tộc người đã được một số tác giả đề cập đến. Tuy nhiên, việc nghiên cứu tác động của các chính sách nông nghiệp tới động thái dân số của từng tộc người miền núi trong tiến trình phát triển mấy thập kỷ vừa qua lại chưa được quan tâm thích đáng. Bài viết này xin giới thiệu các động thái dân số của bốn tộc người Thái, Khơ - mú, Hmông và Kinh ở xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu từ thập kỷ 40 tới nay và động thái này dưới tác động của các chính sách như di dân xây dựng vùng kinh tế mới, định canh định cư (ĐCĐC), di chuyển dân để xây dựng hồ chứa nước phục vụ cho công tác thủy nông, chính sách Khoán

100, Khoán 10. Chúng tôi hy vọng những kết quả nghiên cứu sẽ hữu ích cho việc nhìn nhận quan hệ giữa các chính sách với phát triển dân số ở miền núi.

1. Dân số các tộc người từ 1940 - 2001

Mường Phăng là một xã vùng cao của huyện Điện Biên, cách thị xã Điện Biên Phủ khoảng 40 km. Vào năm 2001, toàn xã có 1.183 hộ với 7.279 nhân khẩu, thuộc bốn tộc người: Thái, Khơ - mú, Hmông và Kinh. Người Thái có dân số đông nhất - 5.143 người, chiếm 69,6 % dân số toàn xã; người Khơ - mú - 1.261 nhân khẩu, chiếm 17,1 %; người Hmông - 842 người, chiếm 11,3 %; người Kinh - 140 nhân khẩu, chiếm khoảng 2%. Trừ khu trung tâm xã, các tộc người đều sống biệt lập trong các bản và dân cư được phân bố như sau (Bảng 1).

Bảng 1: Dân cư các dân tộc xã Mường Phăng

Thái		Khơ - mú		Hmông		Kinh	
Bản	Số hộ	Bản	Số hộ	Bản	Số hộ	Bản	Số hộ
Bánh	35	Co Cượn	28	Loọng Háy	38	Tân Bình 1	7
Bó	18	Co Muông	18	Loọng Luông 1	27	Trung tâm *	30
Bua	36	Công	19	Loọng Luông 2	19		
Cang 1	27	Kéo	29	Loọng Ngựu	20		
Cang 2	13	Pú Sung	35				
Cang 3	15	Ten	22				

Cang 4	11	Vang 1	28				
Che Căn	62	Vang 2	33				
Co Lúu	12						
Co Luống	22						
Co Mặn 1	32						
Co Mặn 2	15						
Co Thón	23						
Đông Mệt 1	40						
Đông Mệt 2	41						
Hả	24						
Khá	22						
Khẩu Cắm	21						
Ngự 1	30						
Ngự 2	24						
Pá Chả	15						
Phăng 1	35						
Phăng 2	44						
Sáng	17						
Tân Bình 2	24						
Xôm 1	28						
Xôm 2	40						
Xôm 3	32						
Yên 1	36						
Yên 2	36						
30 bản, 830 hộ		8 bản, 212 hộ		4 bản, 104 hộ		2 bản, 37 hộ	

* Tại khu Trung tâm, còn có 3 hộ người Thái

Nguồn: UBND xã Mường Phăng

Vốn ban đầu (chưa rõ từ bao giờ), khi Mường Phăng còn hoang vắng, chỉ có hai bản - Che Khua của người Thái và Ôm Pung của người Khơ - mú. Bản Che Khua ở giáp phía bắc của trung tâm xã hiện nay; còn bản Ôm Pung ở khu vực lòng hồ

phía tây nam, dưới địa phận bản Bó hiện nay. Sau đó người Thái ở bản Che Khua đã chia tách ra thành lập các bản: Phăng, Che Căn, Co Mặn, Xôm và Đông Mệt. Người Khơ - mú ở bản Ôm Pung sau tách ra thành bốn bản: Co Cựm, Pú Sung, bản

Vang và Phia Phụng. Tên của ba bản đầu vẫn giữ như hiện nay; riêng bản Phia Phụng sau đổi tên thành bản Hoong Khuông rồi bản Kéo. Dân bản Vang và Pú Sung cư trú ở quanh khu vực của bản hiện nay; còn dân Co Cựm và bản Kéo cư trú ở sườn núi thuộc khu vực lòng hồ. Theo các cụ già kể lại, bản Ôm Pung trước khi chia tách chỉ có 12 hộ.

Vì đất đai rộng rãi nên vào đầu thế kỷ trước, nơi đây còn khá hoang vắng và từng có nhiều lớp người tới sinh sống rồi lại bỏ đi. Nhóm người Thái ở Thuận Châu, Sơn La) mới nhập cư tới đây chỉ có 7 hộ thuộc 3 dòng họ: Lò, Mường, Cà. Họ định cư tại bản Mòn (thuộc lòng hồ Pa Khoang). Sau đó, những người Thái cùng quê lại tiếp tục đến và thành lập thêm các bản Nà Púng, Nà Khoang, bản Yên và bản Cang.

Vào đầu những năm 40 thế kỷ trước, trên đất Mường Phăng đã xuất hiện những người Hmông tái định cư. Họ từ Mù Cang Chải (Yên Bái) đến, chỉ có 5 hộ và đều thuộc họ Cứ. Họ lập nên bản Tông Tla Tlàng, cách bản Loọng Háy hiện nay khoảng 2km. Tới năm 1945 có thêm 5 hộ nữa từ Mù Cang Chải chuyển về, gồm 3 hộ họ Giàng và 2 hộ họ Hù. Ngoài Tông Tla Tlàng, Mường Phăng bấy giờ còn có bản Hua Liếng của người Hmông, gần đầu nguồn Nậm Đięng, phía trên bản Tân Bình I hiện nay. Đến năm 1953 bản này bị quân của Đèo Văn Long ở Mường Phăng triệt hạ vì theo Việt Minh, do đó dân bản phải bỏ chạy.

Đến năm 1968 theo chủ trương ĐCĐC, bà con Hmông ở bản Tông Tla Tlàng xuống núi định cư, lập làng mới đặt tên là

Loọng Luông. Sau đó không lâu bản này tách đôi, số hộ ở lại lấy tên là bản Loọng Háy. Một số hộ chuyển cư xuống vùng thấp hơn, thành lập bản mới, lấy tên bản cũ là Loọng Luông. Cũng năm 1968, do sự hấp dẫn của cuộc vận động ĐCĐC, một số hộ ở bản Pá Hang (xưa kia vốn là dân bản Hua Liếng) đã trở lại Mường Phăng và lập bản mới, đặt tên là Loọng Ngự*. Người Hmông ở Mường Phăng được xem như định cư từ bấy đến giờ. Đến năm 1995 bản Loọng Luông được chia thành 2 bản: Loọng Luông I và Loọng Luông II.

Cũng do tác động của chính sách khai hoang để ĐCĐC, năm 1970 một số hộ người Khơ - mú ở bản Hoong Khuông bắt đầu chuyển cư lên thung lũng cao hơn, nhận ruộng cũ của người Kinh thuộc HTX Việt Hưng bỏ lại và làm ruộng nước. Đến năm 1977, khi tỉnh Lai Châu giải tỏa dân cư để xây dựng hồ chứa thủy nông Pa Khoang, toàn bộ người Khơ - mú ở các bản Hoong Khuông và Co Cựm đã chuyển lên tái định cư ở các thung lũng cao hơn: dân Hoong Khuông định cư ở khu vực bản Kéo, dân Co Cựm hình thành hai bản mới là Co Cựm và Co Muông.

Cũng do quy hoạch khu vực hồ chứa Pa Khoang, cư dân Thái ở các bản Mòn, Nà

* Tên của 3 bản Hmông nói trên đều là tên Thái, chỉ đặc điểm nơi cư trú: Loọng Luông nghĩa là lồng lớn; Loọng Háy nghĩa là lồng có cây gạo; Loọng Ngự nghĩa là lồng có cây đa. Địa danh chỉ đặc điểm nơi cư trú bằng tiếng Thái còn thấy ở các bản của người Thái và Khơ - mú ở Mường Phăng. Với người Thái có các bản: Ngự (= cây đa), Co Mạn (= cây mận); còn người Khơ - mú có bản Co Cựm (= cây trám), Co Muông (= cây muông, cây xoài)...

Hiện tượng địa danh ở vùng người Khơ - mú và Hmông được đặt theo tiếng Thái còn thấy ở địa phương khác như Nghệ An (Phạm Quang Hoan (chủ biên), 1995, tr. 189 và 253).

Púng, Nà Khoang và Na Hin đã phải di chuyển lên các thung lũng cao hơn để tái định cư. Một số chuyển lên khu vực gần bờ hồ như bản Ngựu, bản Bó, bản Hả. Bản Đông Mệt cũng thuộc khu vực quy hoạch lòng hồ, nhưng cho tới nay dân bản vẫn định cư tại bản cũ. Một số khác chuyển đi xa hơn lên mạn bắc và đông bắc của xã: một số định cư ở địa điểm cư trú cũ của người Kinh thuộc đội Hoà Bình gần khu trung tâm xã và thành lập bản Bua; một số định cư ở khu vực gần người Hmông, thành lập các bản Co Luống và Khẩu Cẩm.

Về tổ chức hành chính cũng có một số thay đổi: đến năm 1995, theo chủ trương lấy thôn bản làm đơn vị hành chính thuộc cấp xã, một số bản đã chia tách ra thành 2 hoặc thành 4 bản mới. Các bản mới được lấy tên bản cũ kèm theo các số thứ tự. Ví dụ, các bản người Thái như bản Ngựu, bản Xôm được tách ra và gọi là Ngựu I, Ngựu II và Xôm I, Xôm II. Tình hình này cũng diễn ra ở một số bản của người Khơ - mú và người Hmông.

Ngoài các tộc người địa phương, bắt đầu từ năm 1964 ở Mường Phăng đã xuất hiện những người Kinh từ Thái Bình được Nhà nước đưa lên xây dựng vùng kinh tế mới. Năm 1965 xã Mường Phăng lại được bổ sung dân xây dựng vùng kinh tế mới đợt hai*. Cả hai đợt được tổ chức thành 4 đội, bố trí định cư tại 4 địa điểm. Đội 1 ở khu vực lòng hồ gần bản Mòn, thành lập HTX nông nghiệp Bình Minh. Đội 2 ở xứ đồng

bản Ten hiện nay và thành lập HTX Việt Hưng. Đội 3 ở khu vực hiện nay của bản Bua và khu trung tâm xã, thành lập HTX Hòa Bình. Đội 4 ở khu vực hiện nay của bản Tân Bình và bản Phăng, thành lập HTX Tân Bình.

Năm 1968 sau khi địa bàn cư trú và đồng ruộng của HTX Việt Hưng bị trúng bom của máy bay Mỹ, nhiều xã viên HTX Việt Hưng rút về quê cũ hoặc chuyển ra vùng lòng chảo Điện Biên, do đó HTX này tan vỡ. Tới năm 1977, sau khi di chuyển khỏi lòng hồ Pa Khoang, phần lớn gia đình thuộc HTX Bình Minh chuyển ra lòng chảo Điện Biên, một số sáp nhập vào HTX Yên Hòa (gồm các bản: Yên, Cang, Bua, Co Mạn và Hòa Bình). Sau này các hộ thuộc HTX Hòa Bình lại rút cả ra Điện Biên. Chỉ những xã viên của HTX Tân Bình là còn bám trụ tại Mường Phăng, nhưng cho tới nay cũng chỉ còn 7 hộ còn sống bằng nông nghiệp.

Tới năm 1993, tại trung tâm của xã bắt đầu hình thành khu dân cư phi nông nghiệp của người Kinh. Trong số họ, những người đến đầu tiên là các giáo viên trường phổ thông cơ sở của xã, sau đó xuất hiện những người làm nghề buôn bán, dịch vụ. Cho tới nay ở đây đã có 34 hộ, gồm 29 hộ người Kinh, 3 hộ người Thái, 1 hộ người Tày và 1 hộ người Thổ. Trong số này có hơn 24 hộ thường trú và 10 hộ tạm trú.

Cư dân Kinh sinh sống trên đất Mường Phăng còn phải kể đến những công nhân thuộc lâm trường Điện Biên. Họ hoạt động trên địa bàn xã này từ 1968 - 1997 (khi Nhà nước đóng cửa rừng và lâm trường không được phép khai thác gỗ nữa). Địa bàn cư trú và hoạt động của những lâm trường viên

* Theo các cụ già ở thôn Tân Bình họ lên đợt đầu vào năm 1961, đợt hai vào năm 1963. Nhưng trong số tài liệu về dân số Mường Phăng các năm 1961 và 1963 vẫn chưa có số liệu về người Kinh.

này chủ yếu ở những cánh rừng có nhiều loại gỗ được khai thác thuộc khu vực lòng hồ Pa Khoang, bản Đông Mệt, phía bắc bản Bua, khu trung tâm xã và khu vực bản Phăng. Tới năm 1997, do hoạt động lâm nghiệp nhà nước chuyển thành lâm nghiệp xã hội nên hầu hết công nhân lâm trường phải nghỉ việc theo chế độ 176 và chuyển đi sinh sống ở nơi khác. Hiện chỉ còn lại 4 người cũ của lâm trường Điện Biên sinh

sống ở Mường Phăng bằng chăn nuôi, buôn bán và dịch vụ.

Số liệu về dân số toàn xã và theo từng tộc người sẽ bổ sung cho bức tranh dân số địa phương từ những năm 60 đến nay; và để thấy rõ tương quan dân số nông nghiệp với hệ sinh thái, chúng tôi trình bày tách biệt dân số nông nghiệp và dân số lâm trường hoạt động tại Mường Phăng (Bảng 2 và Bảng 3).

Bảng 2: Biến đổi dân số theo tộc người từ 1965 - 2001

Đơn vị: %

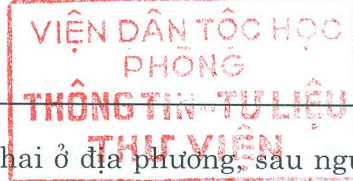
Tộc người	1960	1965	1974	1979	1984	1989	1994	2001
Toàn xã	100	196	269	334	432	566	666	735
Thái	100	152	220	291	-	530	621	685
Khơ - mú	100	127	439	447	-	733	864	963
Hmông	100	148	295	373	-	517	621	780
Kinh	-	100	24	28	-	21	28	7

Nguồn: Phòng Thống kê Điện Biên

Bảng 3: Dân số nông nghiệp và tỉ trọng dân số theo tộc người ở Mường Phăng

Năm	Tổng số		Thái		Khơ-mú		Hmông		Kinh	
	Số người	%	Số người	%	Số người	%	Số người	%	Số người	%
1960	990	100	751	75,9	131	13,2	108	10,9	0	0
1965	1943	100	1139	58,6	166	8,5	160	8,2	478	24,6
1974	2264	100	1655	62,1	575	21,6	319	12,0	115	4,3
1979	3307	100	2185	66,1	586	17,7	403	12,2	133	4,0
1989	5603	100	3894	71,1	960	17,1	558	10,0	101	1,8
1994	6540	100	4662	71,3	1132	17,3	671	10,3	75	1,2
2001	7279	100	5143	70,7	1261	17,3	842	11,6	33	0,45

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Điện Biên



Qua số liệu về tổng dân số nông nghiệp xã Mường Phăng thấy rõ cư dân này tăng dần từ 1965 - 2001. Sự gia tăng cho thấy họ có thể sống bằng nông nghiệp trong điều kiện đất ngày càng chật, dân số ngày càng đông ở địa phương. Sự gia tăng mạnh nhất là từ 1979 - 1989, và biểu hiện rõ nhất ở người Thái. Dân số nông nghiệp Khơ - mú và Hmông tăng dần, trong khi dân số nông nghiệp của người Kinh lại tụt giảm nhiều trong thời gian định cư của họ tại Mường Phăng.

Xét theo tỷ trọng dân số, người Thái là cư dân đa số ở địa phương, sau đó là người Khơ - mú và thứ ba là người Hmông. Người Kinh trong buổi đầu định cư tại Mường Phăng (1964) có tỷ trọng dân số

lớn thứ hai ở địa phương, sau người Thái, nhưng hiện nay lại chiếm tỉ trọng quá nhỏ bé trong dân số nông nghiệp (0,7%). Như vậy sức ép nhân khẩu nông nghiệp của người Thái, Khơ - mú và Hmông lên hệ sinh thái Mường Phăng ngày càng lớn, trong khi với người Kinh tình hình ngược lại. Sự bùng nổ dân số trong 4 thập niên vừa qua ở một xã miền núi như Mường Phăng (với tỷ trọng 775% của dân số toàn xã, 748% dân số Thái, 937% dân số Khơ - mú và 735% dân số Hmông) đã gây áp lực nhân khẩu quá lớn lên hệ sinh thái ở đây.

2. Các động thái dân số

Để tìm hiểu vấn đề này, trước hết, xin nêu tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm ở Mường Phăng (Bảng 4).

Bảng 4: Tỷ lệ tăng dân số của các tộc người tại Mường Phăng

Đơn vị: %

	1960 - 1965	1966 - 1974	1975 - 1979	1980 - 1984	1979 - 1989	1990 - 1994	1995 - 2001
Toàn xã	19,3	4,12	9,2	5,9	6,94	3,55	1,48
Thái	10,3	5,03	6,40	-*	2,23	3,40	1,47
Khơ - mú	5,34	27,4	0,80	-	6,38	3,58	1,63
Hmông	9,63	11,04	5,27	-	3,85	4,05	3,64
Kinh	9,54	-8,43	3,13	-	-2,41	-6,14	-10,7

Nguồn: Phòng Thống kê Điện Biên

Từ số liệu trên, cho thấy:

- Tốc độ tăng dân số toàn xã tăng vọt từ 1960 - 1965 (ở mức 19,3 %) và giảm hẳn từ 1966 - 1974 (chỉ còn 4,12 %). Đến thời kỳ từ 1975 - 1979 lại tiếp tục tăng cao (9,2 %), rồi giảm dần đến mức thấp nhất vào

thời gian từ 1995 - 2001 (1,48 %). Tỷ lệ tăng dân số cao nhất từ 1960 - 1965 là đúng vào thời gian nhập cư của người Kinh; còn gia tăng trong những năm từ 1975 - 1979 lại trùng với thời gian di chuyển dân để làm hồ chứa nước Pa

Khoang. Tốc độ tăng dân số ở giai đoạn 1979-1989 là trùng với thời kỳ thực hiện Khoán 100.

- Tỷ lệ tăng dân số của người Thái cao nhất vào thời gian 1960 – 1965 (ở mức 10,3 %) - khi người Kinh được đưa tới định cư trên các thung lũng gần người Thái; dân số của họ tiếp tục tăng cao vào các năm từ 1975-1979 (với mức 6,40 %) - khi một số bản Thái được Nhà nước hỗ trợ kinh phí để khai hoang tái định cư ngoài lòng hồ Pa Khoang.

- Tỷ lệ tăng dân số của người Khơ - mú đặc biệt cao vào thời kỳ từ 1966 - 1974, lúc họ được Nhà nước vận động ĐCĐC.

- Tỷ lệ tăng dân số của người Hmông lớn nhất vào thời gian từ 1966 – 1974 (11,04 %),

khi cuộc vận động ĐCĐC được triển khai mạnh mẽ ở địa phương. Dân số của họ tiếp tục tăng cao (5,27 %) vào thời gian tái định cư của cư dân lòng hồ (1975- 1979).

- Dân số người Kinh chỉ tăng vào những năm 1960 - 1965, khi họ được Nhà nước đưa tới định cư ở Mường Phăng, còn sau đó đều theo chiều hướng tụt giảm.

Thực chất sự biến thiên dân số nêu trên cần được xác định qua tăng tự nhiên và tăng cơ học. Số liệu lịch sử không cho phép xác lập các biểu đồ biến thiên này tới từng xã, đặc biệt tới từng tộc người. Để khắc phục hạn chế này, chúng tôi khảo sát chỉ số về quy mô nhân khẩu trung bình của hộ gia đình tính theo tộc người ở xã Mường Phăng (Bảng 5).

Bảng 5: Nhân khẩu trung bình của hộ gia đình các tộc người ở Mường Phăng

Đơn vị : Người / hộ

	1960	1965	1974	1979	1984	1989	1994	2001
Toàn xã	6,19	6,25	6,71	7,07	7,93	7,37	7,07	6,17
Thái	-	7,21	7,32	7,41	-	-	7,22	6,11
Khơ mú	-	6,64	5,87	6,30	-	-	7,21	6,14
Hmông	-	5,33	6,14	7,33	-	-	6,85	7,46
Kinh	-	4,88	5,48	5,32	-	-	5,0	4,8

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Điện Biên

Quy mô nhân khẩu trung bình toàn xã lớn nhất vào giai đoạn từ 1979 - 1994, tới đỉnh điểm vào năm 1984. Liên hệ quy mô này với tỉ lệ tăng dân số giai đoạn từ 1979 - 1989 thấy rõ tốc độ tăng dân số cũng đạt kỷ lục cao nhất trong thời kỳ không có xáo

động dân cư (Bảng 4). Sự trùng hợp của hai chỉ số vừa nhắc tới cho thấy tăng dân số tự nhiên thời gian từ 1979 - 1989 đạt mức độ cao nhất. Sự gia tăng tự nhiên mạnh mẽ này phải chăng do tác động của chế độ Khoán 100 và Khoán 10: để tranh thủ khai thác số ruộng được giao theo lao

động và nhân khẩu trong điều kiện lao động cơ bắp, người nông dân đã sinh nhiều con để được thêm ruộng và có thêm người làm để đảm bảo công việc? Vào những năm sau, tỉ lệ tăng dân số và quy mô nhân khẩu của hộ gia đình đều giảm, mặc dù tính chất tự chủ kinh tế của hộ ở giai đoạn này còn cao hơn trong thời kỳ Khoán 100. Sự giảm sút này chắc chắn do tác động của chính sách và các biện pháp kế hoạch hóa gia đình của Nhà nước và cũng do ruộng đã được giao cho hộ sử dụng lâu dài.

Riêng ở người Khơ - mú vào thời điểm 1979, quy mô này giảm hơn so với năm 1965. So với chiều hướng tăng lên của quy mô nhân khẩu trung bình toàn xã cũng như chiều hướng tăng lên của quy mô nhân khẩu của hộ ở các tộc người khác vào năm 1979, kể cả ở người Kinh là tộc người có dân số giảm sút ghê gớm, sự giảm sút của quy mô nhân khẩu của hộ người Khơ - mú là một minh chứng cho thấy phát triển dân số tự nhiên không bình thường vào thời điểm này. Trong điều kiện tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên giảm, sự nhảy vọt của dân số Khơ - mú trong những năm 1966 - 1974 chứng tỏ tính chất cơ học của nó. Sự gia tăng cơ học mạnh mẽ này trùng với thời gian cuộc vận động ĐCĐC đang được triển khai ở địa phương, cũng là lúc người Kinh thuộc HTX Việt Hưng đã để lại số ruộng họ khai phá được. Số ruộng này được cán bộ ĐCĐC của huyện chia lại cho người Khơ - mú thuộc bản Hoong Khuông (ông cha của cư dân các bản Kéo, Ten và Công hiện nay) để họ định cư. Chắc chắn đây là nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng cơ học của dân số Khơ - mú: ở

bản Kéo và bản Ten hiện còn một số hộ chuyển từ Tuần Giáo về định cư ở đây từ đầu những năm 70.

Đối chiếu quy mô nhân khẩu của hộ người Thái và người Hmông vào các thời điểm 1965, 1974 và 1979 với tỉ lệ tăng dân số trong thời gian 1960 - 1965 ở người Thái và thời gian từ 1960 - 1974 ở người Hmông có thể thấy tỉ lệ tăng dân số của hai tộc người này ở mức kỷ lục so với các năm sau, trong khi quy mô nhân khẩu của hộ lại nhỏ hơn các năm sau đó. Qua đây có thể thấy: trong thời gian nêu trên, sự gia tăng dân số của hai tộc người Thái và Hmông cũng mang tính chất cơ học mạnh mẽ như ở người Khơ - mú trong những năm 1966 - 1974.

Sự tăng dân số cơ học của người Thái trùng với thời điểm người Kinh được đưa tới Mường Phăng với số lượng bằng nửa dân số người Thái (thời điểm 1965 - Bảng 2), lại được bố trí tái định cư gần người Thái để tiện khai hoang các bãi lầy và xây dựng các HTX nông nghiệp liên thôn bản giữa hai tộc người này. Các bãi lầy tuy chưa được khai phá nhưng trong truyền thống sử dụng đất của người Thái, vẫn thuộc phạm vi cai quản của họ. Vì vậy việc khai phá chúng của những người từ nơi xa tới như người Kinh vào những năm đầu sau cải cách dân chủ ở miền núi chắc chưa quen thuộc đối với người Thái. Phải chăng vì vậy mà họ đã thu hút bà con của mình từ các địa phương khác về Mường Phăng để tranh thủ khẩn hoang giữ đất?

Sự gia tăng quy mô nhân khẩu của hộ gia đình người Kinh trong khi dân số của họ giảm cho thấy sự giảm dân số này

mang tính cơ học. Điều này hoàn toàn phù hợp với sự di chuyển của cư dân này khỏi Mường Phăng. Vậy nguyên nhân nào khiến người Kinh rời khỏi Mường Phăng? Theo ý kiến của những người Kinh hiện còn ở Mường Phăng và những người đã chuyển ra vùng lòng chảo Điện Biên, họ rời Mường Phăng vì muốn con cái không phải đi học xa (học cấp II phải sang xã Nà Tấu, cấp III phải ra tận Điện Biên); và muốn gần chợ để dễ dàng buôn bán, kinh doanh.

Vậy còn sự gia tăng dân số cơ học mạnh mẽ của người Hmông vào thời gian từ 1960 - 1974 là do đâu?

Trong thời gian từ sau 1968, người Hmông và Khơ - mú xã Mường Phăng được huyện vận động ĐCĐC. Nhờ cuộc vận động này, bà con có kinh phí để khai hoang bãi lầy thành ruộng và được miễn thuế nông nghiệp 5 năm đầu. Có thể cuộc vận động này được tiến hành tốt ở Mường Phăng do nhu cầu bảo vệ rừng đầu nguồn

của vùng lòng chảo Điện Biên. Vì vậy, công cuộc ĐCĐC ở đây đã thu hút nhiều người Hmông và Khơ - mú ở nơi khác đến tái định cư. Cũng trong thời gian này, đã diễn ra sự di chuyển dân cư Thái từ các bản Mòn, Nà Púng, Nà Hin và Nà Khoang lên cao để xây dựng hồ Pa Khoang. Trong số đó có một số tái định cư tại các bản Khẩu Cẩm và Co Luống. Những người tái định cư này đã được huyện chỉ đạo điều chỉnh ruộng của người Thái ở bản Yên, bản Cang, của người Hmông ở các bản Loọng Luông và bản Loọng Ngựu cho họ. Phải chăng sự điều chỉnh này đã tác động tới sự gia tăng dân số ở các bản Hmông?

Số liệu về tỉ lệ dân cư theo quê quán của người Thái ở bản Che Cẩn và bản Ngựu, của người Khơ - mú ở bản Kéo và bản Ten, của người Hmông ở các bản Loọng Luông II và Loọng Háy trong Bảng 6 dưới đây sẽ minh họa thêm về con đường gia tăng dân số cơ học của các tộc người ở Mường Phăng (Bảng 6).

Bảng 6: Quê quán của các hộ Thái, Khơ - mú và Hmông thuộc 6 bản

Đơn vị: % hộ

Dân tộc	Cùng bản	Cùng xã	Cùng huyện	Cùng tỉnh	Khác tỉnh	Tổng số
Thái	58,6	24,9	10	5,6	0,8	100
Khơ - mú	50	36	10,6	3,4	0,0	100
Hmông	68	19,8	9,1	3,2	0,0	100

Nguồn: Nghiên cứu thực địa

Tuy số liệu trên chỉ phản ánh cơ cấu dân cư theo quê quán của một số hộ trong ba tộc người ở địa phương và cơ cấu này chắc chắn đã thay đổi nhiều so với cơ cấu chung vào những thời gian có thể diễn ra

tăng dân số cơ học mạnh mẽ (xem Bảng 4), nhưng nó cũng cho thấy tỉ lệ hộ có quê quán ngoài Mường Phăng còn chiếm tới 16,4% tổng số hộ điều tra ở người Thái, 14% tổng số hộ Khơ - mú và 12,3% hộ Hmông.

Để hiểu rõ hơn sự phát triển dân số tự nhiên của Mường Phăng dưới tác động các chính sách nông nghiệp cũng như chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình (DS - KHHGD), dưới đây xin khảo sát tỉ trọng

dân số theo lứa tuổi của các thành viên thuộc các hộ mẫu được nghiên cứu năm 2001. Tổng số hộ được điều tra ở mỗi tộc người là 40.

Bảng 7: Cơ cấu dân số theo lứa tuổi của các tộc người ở Mường Phăng

Đơn vị: %

	1960- 1965	1966- 1974	1975- 1979	1980- 1989	1990- 1994	1995- 2001
Toàn xã	9,6	9,4	13,1	22,5	30,0	15,4
Thái	14,7	10,1	11,3	27,3	30,8	5,8
Khơ - mú	6,8	11,3	14,2	26,0	29,7	12,1
Hmông	7,6	7,4	13,7	16,0	29,5	25,7

Nguồn: Nghiên cứu thực địa

Qua bảng trên cho thấy(*):

- Trong phạm vi toàn xã, dân số tự nhiên tăng mạnh nhất vào những năm từ 1980 - 1994, trùng với thời kỳ Khoán 100, Khoán 10 và giao đất sử dụng lâu dài cho hộ gia đình. Từ 1995 - 2001 tỉ lệ phát triển dân số tự nhiên vẫn cao hơn trước năm 1980, mặc dù thời kỳ này chính sách DS - KHHGD đã được thực hiện mạnh mẽ. Điều đó cho thấy tác động của sự phát triển kinh tế hộ tới gia tăng dân số ở đây.

- Dân số tự nhiên của người Thái và Khơ - mú cũng tăng mạnh vào những năm từ 1980 - 1994, như sự phát triển dân số chung toàn xã.

- Dân số của người Hmông lại phát triển mạnh vào những năm 1990 - 2001.

Sự gia tăng dân số tự nhiên mạnh mẽ ở người Thái vào thời kỳ Khoán 100, Khoán 10 và kinh tế hộ là điều dễ hiểu, vì họ thuộc thành phần kinh tế HTX, chịu tác động của chính sách quản lý kinh tế tập thể. Nhưng sự gia tăng dân số tự nhiên của người Khơ - mú và Hmông ở Mường Phăng, những người vốn chỉ làm ăn cá thể, chưa hề vào HTX, là hiện tượng đáng chú ý: phải chăng sự phát triển kinh tế gia đình và dân số của người Thái, cư dân chiếm 70% dân số toàn xã đã thúc đẩy người Khơ - mú và Hmông chạy đua dân số để giữ đất? Điều này đúng với thực tế ở Mường Phăng: UBND xã đã điều chỉnh ruộng của người Khơ - mú cho người Thái và nương đã được chia cho các bản theo dân số của từng bản.

Sự giảm tỉ trọng dân số thuộc lứa tuổi sinh ra từ 1995 - 2001 ở người Thái và Khơ - mú cho thấy chính sách DS-

* Vì số liệu thu thập được về người Kinh gồm cả những người phi nông nghiệp nên chúng tôi không đưa vào đây.

KHHGD đã thực hiện hiệu quả ở hai tộc người này. Còn ở người Hmông, việc KHHGD vẫn bị hạn chế.

3. Nhận xét

Trong bốn tộc người cư trú ở Mường Phăng, người Thái có dân số đông nhất. Người Kinh vào đầu những năm 60 của thế kỷ 20 chiếm tỉ trọng thứ hai, nhưng sau đó dân số của họ giảm dần, đến nay là tộc người có số dân ít nhất. Ngoài người Kinh, dân số của ba tộc người Thái, Khơ - mú, Hmông ngày càng tăng. Sự gia tăng dân số mang tính tự nhiên và cơ học rõ rệt do tác động của không chỉ những điều kiện sống được cải thiện, mà của cả những chính sách và thể chế kinh tế. Sự gia tăng dân số cơ học của các tộc người Thái, Khơ - mú và Hmông chịu tác động rõ rệt của các chính sách nông nghiệp như: ĐCĐC, di dân người Kinh xây dựng vùng kinh tế mới, di chuyển dân để xây dựng hồ chứa thuỷ nông Pa Khoang của huyện Điện Biên. Sự biến động dân số của người Kinh nhập cư có thể do khả năng tái định cư của họ ở môi trường mới. Mặt khác, động thái dân số của tất cả các tộc người đều chịu tác động của các chính sách nông nghiệp như Khoán 100, Khoán 10 và kinh tế hộ. Sự gia tăng dân số trong toàn xã Mường Phăng đã gây sức ép nhân khẩu lên đất nông nghiệp và môi trường địa phương.

Tài liệu tham khảo

1. Khổng Diễn. *Dân số KHHGD các dân tộc ở Việt Nam*. Tc. Dân tộc học, Số 2, 1997.
2. Khổng Diễn. *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, H, 1993.
3. Khổng Diễn. *Quan hệ giữa dân số và kinh tế xã hội hiện nay ở nước ta*. Tc. Dân tộc học, Số 1, 1994.
4. Phạm Quang Hoan, Trần Tất Chung, Chăm Trọng, Vương Xuân Tình, Nguyễn Ngọc Thanh. *Đặc trưng văn hóa và truyền thống cách mạng của các dân tộc ở Kỳ Sơn - Nghệ An*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
5. Nguyễn Thế Huệ. *Dân số các dân tộc miền núi và trung du Bắc Bộ từ sau đổi mới*. Nxb. Văn hoá Dân tộc, H, 2000.



Y phục nhóm Thu Lao (dân tộc Tày), ở huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai

Ảnh: Lê Thanh